TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Đức.
2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Q, sinh năm: 1989.
ĐKTT: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Cà Mau.
Tạm trú: Số nhà A, đường Dương Cát L, thị trấn N, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.
Tại phiên tòa, chị Q có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Đoàn Thị Q trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân của anh chị do tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T sống thiếu trách nhiệm với vợ con, không chăm lo cho gia đình, chỉ biết nhậu nhẹt, đá gà. Chị không thể chịu đựng nổi nên giữa chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến

nay không có thời gian đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 19/01/2013. Hiện cháu Đăng Kh đang chung sống với chị. Khi ly hôn, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 01 tháng 6 năm 2017, anh T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay anh T vẫn vắng mặt không lý do, chị Q có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị Q chung sống với nhau vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị do tự nguyện và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, thừa nhận. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của anh T và chị Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể giải quyết được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Q đã trầm trọng vì anh T và chị Q đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, chăm sóc lẫn nhau như vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, sau khi Tòa án nhận đơn xin ly hôn của chị Q, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T hợp lệ đủ và đúng theo quy định pháp luật để giải quyết về việc hôn nhân và gia đình của anh với chị Q nhưng anh T không đến. Như vậy, chứng tỏ anh T đã bỏ mặc cho Tòa án giải quyết vấn đề xin ly hôn giữa chị Q và anh. Do đó, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q với anh T.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống anh T và chị Q có 01 con là cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 19/01/2013. Hiện cháu Kh đang sống với chị Q từ khi chị Q và anh T ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Q và anh T sống ly thân, chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ nên cần chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Q là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cần giao con chung là cháu Nguyễn Đăng Kh cho chị Quít trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị Q không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của chị chị Q nên ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Q khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Q phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Q với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị Q có 01 con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 19/01/2013.

Giao con chung cho chị Đoàn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng cho con chung và được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Quít đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006507 ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị Quít đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền